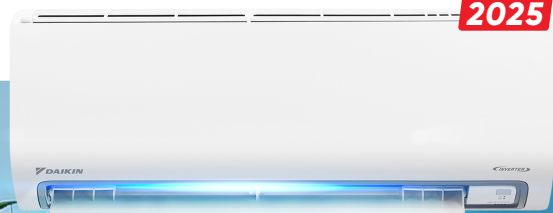




MỚI
2025



Inverter tiêu chuẩn

FTHB Series

Điều hòa 1 chiều với tính năng đặc biệt - Sưởi ấm dịu nhẹ

Điều hòa FTHB series mang đến giải pháp tiện nghi trọn vẹn cho gia đình bạn: làm mát mạnh mẽ những ngày oi bức và sưởi ấm nhẹ nhàng khi giao mùa. Nhờ đó, không gian sống luôn dễ chịu quanh năm, đặc biệt phù hợp với khí hậu miền Bắc.

★★★★★
CSPF LÊN ĐẾN **5.40**



Gentle Heating **MỚI** TÍNH NĂNG SƯỜI NHẸ

Khác biệt của điều hòa FTHB nằm ở khả năng sưởi ấm dịu nhẹ, mang đến hơi ấm dễ chịu trong những ngày se lạnh, với chế độ sưởi hoạt động hiệu quả ở nơi nhiệt độ ngoài trời từ 7°C trở lên.



Humi Comfort KIỂM SOÁT ĐỘ ẨM

Giữ nhiệt độ mát mẻ cùng độ ẩm lý tưởng ở mức mục tiêu 65%, tránh khô da và mang lại cảm giác thoải mái tự nhiên.



Quiet Operation VẬN HÀNH ÊM ÁI

Ở chế độ "Yên tĩnh", âm thanh vận hành dàn lạnh FTHB chỉ từ 19 dB(A) êm như tiếng lá rơi, mang lại không gian yên tĩnh cho giấc ngủ ngon.



New Powerful Mode LÀM LẠNH NHANH X2*

Cho phép máy vận hành ở công suất tối đa giúp làm lạnh nhanh gấp 2 lần so với chế độ vận hành thông thường.

(*) So với chế độ làm lạnh nhanh POWERFUL và chế độ vận hành thông thường ở dòng Inverter FTKB35ZVMV



Mold Proof CHỐNG ẨM MỐC

Sau khi sử dụng, máy sẽ tự vệ sinh và sấy khô dàn trao đổi nhiệt, hạn chế vi khuẩn, nấm mốc và giảm chi phí bảo dưỡng.



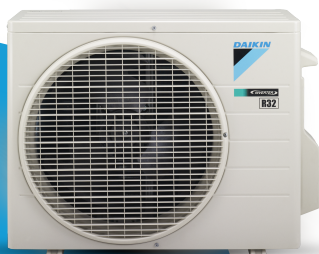
CẤP NGUỒN DÀN NÓNG & DÀN LẠNH

Thiết kế này có tấm chắn chống cháy và cầu chì bảo vệ quá dòng, giúp đảm bảo an toàn, giảm rủi ro khi lắp đặt và vận hành.

Sự lựa chọn hoàn hảo cho vùng khí hậu se lạnh

Khuyến nghị cho vùng Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ. Không khuyến nghị cho các tỉnh miền núi phía Bắc (Cao Bằng, Thái Nguyên (Bắc Kạn cũ), Lạng Sơn, Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên, Hà Giang).

- **2 trong 1:** Làm mát sảng khoái mùa hè, sưởi ấm nhẹ nhàng mùa đông.
- **Lý tưởng cho gia đình có trẻ nhỏ và người lớn tuổi:** mang lại sự ấm áp an toàn trong ngày se lạnh.
- **Vận hành ổn định:** ở những khu vực nhiệt độ ngoài trời thấp nhất không quá 7°C.
- **An toàn và tiết kiệm:** tiết kiệm điện, an toàn hơn so với kết hợp điều hòa 1 chiều thông thường và máy sưởi điện.



THÔNG SỐ KỸ THUẬT				1 HP	1.5 HP	2 HP	2.5 HP	
Công suất danh định (Tối thiểu - Tối đa)		Lạnh		kW	2.65 (0.7 ~ 2.9)	3.52 (0.7 ~ 3.8)	5.30 (1.1 ~ 5.4)	6.00 (1.1 ~ 6.0)
				Btu/h	9,000 (2,400 ~ 9,900)	12,000 (2,400 ~ 13,000)	18,100 (3,800 ~ 18,400)	20,500 (3,800 ~ 20,500)
		Sưởi		kW	2.10 (1.2 ~ 2.1)	2.80 (1.2 ~ 2.8)	4.20 (1.6 ~ 4.7)	6.00 (1.6 ~ 6.0)
				Btu/h	7,200 (4,100 ~ 7,200)	9,600 (4,100 ~ 9,600)	14,300 (5,500 ~ 16,000)	20,500 (5,500 ~ 20,500)
Nguồn điện				1 pha, 220-240V, 50Hz / 220-230V, 60Hz/ cấp nguồn dàn nóng, dàn lạnh				
Dòng điện	Làm lạnh	Danh định	A	3.9	5.8	9.4	9.7	
	Sưởi			2.5	3.8	4.9	7.7	
Điện năng tiêu thụ	Làm lạnh	Danh định	W	820 (120 ~ 1,100)	1,240 (130 ~ 1,460)	2,000 (200 ~ 2,000)	2,060 (215 ~ 2,100)	
	Sưởi			510 (120 ~ 529)	800 (120 ~ 800)	1,020 (300 ~ 1,100)	1630 (360 ~ 1,630)	
CSPF				5.4	5.4	5.2	5.25	
DÀN LẠNH				FTHB25ZVMV	FTHB35ZVMV	FTHB50ZVMV	FTHB60ZVMV	
Màu mặt nạ				Trắng				
Lưu lượng gió (Cao/Trung bình/Thấp /Yên tĩnh)	Làm lạnh	m³/phút		9.9 / 8.4 / 7.1 / 4.8	10.7 / 8.8 / 7.1 / 5.5	13.1 / 10.6 / 8.6 / 6.5	13.2 / 11.5 / 9.8 / 6.8	
	Sưởi			10.1 / 8.6 / 7.2 / 6.5	10.9 / 9.0 / 7.2 / 6.5	13.2 / 10.9 / 8.9 / 6.6	13.7 / 12.3 / 10.4 / 7.2	
Tốc độ quạt				5 cấp, yên tĩnh và tự động				
Độ ồn (Cao/Trung bình/Thấp /Yên tĩnh)	Làm lạnh	dB(A)		36 / 32 / 27 / 19	37 / 33 / 28 / 20	44 / 40 / 35 / 25	45 / 42 / 37 / 27	
	Sưởi			36 / 32 / 27 / 23	37 / 33 / 28 / 23	44 / 40 / 35 / 26	45 / 42 / 37 / 28	
Kích thước	CxRxĐ	mm		291 × 775 × 242				
Khối lượng			Kg	9				
DÀN NÓNG				RHB25ZVMV	RHB35ZVMV	RHB50ZVMV	RHB60ZVMV	
Màu vỏ máy				Trắng ngà				
Máy nén	Loại			Máy nén Swing dạng kín				
	Công suất động cơ	W		520		1,100		
Môi chất lạnh	Loại			R-32				
	Khối lượng nạp	kg		0.43	0.51	0.78	0.85	
Độ ồn (Cao/Rất thấp)	Làm lạnh	dB(A)		47 / 44	48 / 44	51 / 47	52 / 47	
	Sưởi	dB(A)		48 / 45	49 / 45	52 / 48	53 / 48	
Kích thước	CxRxĐ	mm		550 x 675 x 284			595 × 845 × 300	
Khối lượng			Kg	24		30	39	
Giới hạn hoạt động	Làm lạnh	°CDB		19.4 đến 46				
	Sưởi	°CWB		7 đến 24				
Ống kết nối	Lồng	mm		ø6.4				
	Hơi			ø9.5		ø12.7		
	Nước xả			ø16.0				
Chiều dài ống tối đa			m	15		30		
Chênh lệch độ cao tối đa				12		20		

ĐIỀU KIỆN ĐO LƯỜNG:

- Công suất lạnh dựa trên: Nhiệt độ phòng 27°CDB, 19°CWB, nhiệt độ ngoài trời 35°CDB, 24°CWB, chiều dài đường ống 7,5m (FTXV 5,0m)
 Công suất sưởi dựa trên: Nhiệt độ phòng 20°CDB, 15°CWB, nhiệt độ ngoài trời 7°CDB, 6°CWB, chiều dài đường ống 7,5m (FTXV 5,0m)
- Độ ồn dựa vào điều kiện nhiệt độ như mục 1. Các giá trị quy đổi này không có dải âm.
 Độ ồn thực tế đo được thông thường cao hơn các giá trị này do ảnh hưởng của điều kiện môi trường xung quanh.
- CSPF dựa trên tiêu chuẩn TCVN7830:2021